

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong
Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Căn cứ Quy chế mẫu phối hợp kiểm tra đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước ban hành kèm theo Công văn số 11527/BTC-QLCS ngày 28/8/2012 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư Pháp về thẩm định văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2015/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả chủ đầu tư; chủ dự án trong trường hợp không thành lập Ban Quản lý dự án) được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước) với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào phần mềm Quản lý đăng ký tài sản và sử dụng thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước (CSDL) vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả từng cấp, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trong Cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trong tỉnh.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND các huyện, thành phố, các Sở, ban ngành tỉnh và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Xác định báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp báo cáo biến động của tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước vào CSDL

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định.

b) Cung cấp mẫu biểu, phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, tham mưu UBND tỉnh đối với những đơn vị vi phạm để xử lý theo quy định của Pháp luật.

c) Căn cứ danh mã của từng đơn vị đã được xác định, Sở Tài chính có trách nhiệm chuyển mã của tất cả các đơn vị có quan hệ với ngân sách sang mã đơn vị trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước, đồng thời kiểm tra lại hệ thống mã đã chuyển, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ các thông tin của đơn vị.

d) Đối với đơn vị có tài sản nhà nước, tài sản dự án sử dụng vốn nhà nước phải kê khai nhưng không có mã đơn vị có quan hệ ngân sách thì Sở Tài chính có trách nhiệm định danh mã của đơn vị đó vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước để thực hiện kê khai đăng ký.

e) Nhập dữ liệu theo hồ sơ báo cáo kê khai tài sản, báo cáo kê khai tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước đã được xác nhận của cơ quan chủ quản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Trình tự kê khai lần đầu:

a.1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện:

- Lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính và kèm bản sao các giấy tờ liên quan đến tài sản báo cáo kê khai gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng; (đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản); cụ thể:

+ Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

+ Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

+ Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Mẫu số 01,02 và 03-ĐK/TSNN đính kèm theo Quy chế này. Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

- Gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (Sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND huyện, thành phố- sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản);

- Lưu trữ 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a.2) Ban Quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện:

- Ban Quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản dự án thực hiện lập báo cáo kê khai tài sản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính, gửi cơ quan chủ quản dự án xác nhận: 01 bản gửi Sở Tài chính (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), 01 bản gửi Ban Quản lý dự án, 01 bản lưu lại cơ quan chủ quản dự án;

- Mẫu biểu kê khai được quy định như sau:

+ Những tài sản được kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, 01b-ĐK/TSDA, 01c-ĐK/TSDA;

+ Đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng sau khi đã thực hiện báo cáo kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, 01b-ĐK/TSDA, 01c-ĐK/TSDA;

+ Thay đổi thông tin về tài sản theo Mẫu số 02a-ĐK/TSDA, Mẫu số 02b-ĐK/TSDA, Mẫu số 02c-ĐK/TSDA;

+ Xóa thông tin về tài sản theo Mẫu số 03/TSDA

a.3) Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) kiểm tra, thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý. Sau đó gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã xác nhận đến Sở Tài chính (Phòng Quản lý giá và công sản) và 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

b) Trường hợp báo cáo kê khai bổ sung có thay đổi tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai lần đầu quy định tại điểm a Khoản này trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm đã đăng ký quản lý tài sản nhà nước đối với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

b) Sau khi đối chiếu số liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai, thực hiện in và gửi “Phiếu xác nhận thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” (sau đây gọi là Phiếu xác nhận thông tin), file dữ liệu cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có tài sản để rà soát, kiểm tra, đối chiếu, chuẩn hóa dữ liệu và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập và Cơ sở dữ liệu.

c) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan (trường hợp vị trí đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Cơ quan chủ quản thực hiện gửi các mẫu biểu, hướng dẫn việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, Phiếu xác nhận thông tin, File dữ liệu đã nhận từ Sở Tài chính đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý và xác nhận vào Phiếu xác nhận thông tin của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng

vốn nhà nước sau khi đã chuẩn hóa, tổng hợp gửi Sở Tài chính trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, chuẩn hóa dữ liệu theo hướng dẫn của Sở Tài chính và xác nhận tính chính xác của số liệu vào Phiếu xác nhận thông tin và gửi cơ quan chủ quản trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chủ quản.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài chính.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư, xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sử dụng tài sản nhà nước khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định phải trình kèm theo “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước” từ thời điểm hình thành đến thời điểm đề nghị thay đổi.

2. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng, số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước chưa kê khai, đăng ký tài sản (trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện kiểm tra hiện trạng sử dụng tài sản trực tiếp tại đơn vị.

Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền không xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có tài sản thuộc diện phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai đăng ký vào Phần mềm Chương trình Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và thực hiện việc báo cáo tài sản hàng năm theo quy định.

3. Các đơn vị có chức năng kiểm tra, đánh giá hiện trạng sử dụng tài sản (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính,...) sử dụng thông tin về tài sản nhà nước đã kê khai trong Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước để làm cơ sở xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

4. Trường hợp các cơ quan thẩm định khi kiểm tra thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước mà số liệu trong Cơ sở dữ liệu không phản ánh đúng thực tế hiện trạng của tài sản hoặc chưa kê khai đăng ký trong Cơ sở dữ liệu thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước quản lý, sử dụng tài sản báo cáo điều chỉnh số liệu hoặc kê khai bổ sung gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh, bổ sung trong Cơ sở dữ liệu trước khi xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp “Phiếu xác nhận thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước” cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước khi có yêu cầu.

Điều 7. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm trước đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gửi cơ quan chủ quản trực tiếp trước ngày 31 tháng 01.

2. Cơ quan chủ quản lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 28 tháng 02.

3. Sở Tài chính báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi và Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3.

Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC và Thông tư số 09/2012/TT-BTC;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC và Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định tại các Điều 17, 21, 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP và “Danh mục tài sản cần xử lý” theo Mẫu quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 245/2009/TT-BTC in từ Cơ sở dữ liệu gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 theo Mẫu quy định tại Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính in từ Cơ sở dữ liệu gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp “Danh mục tài sản nhà nước cần xử lý” từ Cơ sở dữ liệu khi đơn vị sử dụng tài sản có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu để làm cơ sở thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin lưu trữ tin trong Cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung trong Quy chế này thì được khen thưởng, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kê khai tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các đơn vị trực thuộc báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm thi hành những quy định tại Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để có hướng dẫn và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ